

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 26 - 5 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Diễm

Bà Nguyễn Thị Thu Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc L; sinh ngày 11 tháng 02 năm 1991; tại: huyện T, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Tr (Chết) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1970); tiền án: Ngày 14/02/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2023/HS-PT, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/11/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chấp hành xong ngày 06/5/2013, ngày 18/8/2014 bị Công an huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xử phạt 500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, ngày 24/01/2017 bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; ngày 20/01/2023 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước bị Viện kiểm sát nhân dân huyện

T, tỉnh Quảng Nam truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị bắt tạm giữ ngày 23/02/2023; tạm giam ngày 01/3/2023, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thị H; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1983; tại: huyện T, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn 7A, xã C, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ X (Chết) và bà Phạm Thị K (sinh năm 1948) có chồng Võ Tấn S (sinh năm 1977 đã ly hôn) và ba con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 23/02/2023; tạm giam ngày 01/3/2023, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Nguyễn Thị B, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Ngọc L1, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện T, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 21/02/2023, Trần Ngọc L điều khiển xe máy Suzuki BKS 92F2-1359 chở Võ Thị H từ xã Th, huyện T đến xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn để tìm mua cây Gió bầu. Khi đi đến đoạn gần cầu dốc Đỏ (thuộc thôn 5, xã Phước Hiệp), L nhìn thấy 01 chiếc xe máy, loại Sirius BKS 92P1-029.27 của bà Nguyễn Thị B để trong đường đất bên pH QL14E (hướng Hiệp Đức-Phước Hiệp) cách đường khoảng 50m để đi chăn thả gia súc; nảy sinh ý định lấy trộm xe để làm phương tiện đi lại nên L dừng xe bên lề đường QL, nói H đứng trông xe còn mình đi bộ đến vị trí để chiếc xe máy; thấy chiếc xe máy không có người trông coi, Trần Ngọc L dùng chiếc chìa khóa nhà mang theo (chìa khóa bằng kim loại, có chữ “VIET-TIEP”) mở ổ khóa xe rồi ngồi lên điều khiển xe lấy được đi, khi xuống đến đường QL14E L khởi động máy xe và nói với H “*Em chạy xe (Suzuki BKS 92F2-1359) về giúp anh với*” rồi điều khiển xe lấy trộm được chạy về hướng Hiệp Đức. Khi thấy Trần Ngọc L điều khiển 01 chiếc xe máy lạ từ trong đường đất đi ra và chạy về hướng Hiệp Đức, Võ Thị H nghi ngờ L đã lấy trộm xe máy này nhưng H vẫn điều khiển xe máy BKS 92F2-1359 của L chạy theo sau. Khi đi đến đoạn cây xăng tại xã Quế Lưu, huyện Hiệp Đức thì H nói “*Xe này khó chạy quá, chạy không được, đưa đổi xe cho*”. Sau đó hai người đổi xe cho nhau rồi tiếp tục chạy về huyện T; khi đi đến xã C thì L chạy xe BKS 92F2-1359 vào gửi ở nhà chị ruột Trần Thị Kim L2; gửi xe xong thì Trần Ngọc L điều khiển xe máy

trộm được chở Võ Thị H về xã Tiên Th. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/02/2023, khi L đang điều khiển xe chở H đi trên đường thuộc xã C, huyện T thì bị lực lượng Công an huyện Phước Sơn phát hiện bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐG ngày 27/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phước Sơn đã xác định: Xe máy Sirius BKS 92P1- 029.27 của bà Nguyễn Thị B có giá 6.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Ngọc L và Võ Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSPS-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc L, Võ Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc L. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo L có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc L từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2023/HS-PT ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo L pH chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không đề nghị xử phạt bổ sung vì bị cáo L và H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị B đã nhận lại xe máy, không yêu cầu Trần Ngọc L và Võ Thị H bồi thường gì thêm, nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Công an huyện Phước Sơn đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu Trần Ngọc L1 (em ruột L) 01 xe máy hiệu Suzuki, loại xe Smash, màu xanh, BKS 92F2-1359 xe máy này L1 cho Trần Ngọc L mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 21/02/2023 L dùng xe này làm phương tiện phạm tội L1 không biết; Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 01 xe máy hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu trắng xanh, BKS 92P1- 029.27 do L trộm cắp của bà B, nên không đề cập đến.

Đối với 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại, bên trên có chữ “VIET-TIEP” thu giữ của Trần Ngọc L, đây là chìa khóa nhà L sử dụng làm công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo đồng ý luận tội của Viện kiểm sát và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc L, Võ Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 21/02/2023, tại khu vực dốc Đỏ (thuộc thôn 5, xã Phước Hiệp) Trần Ngọc L đã trộm cắp 01 chiếc xe máy Sirius BKS 92P1- 029.27 của bà Nguyễn Thị B có giá 6.000.000 đồng. Võ Thị H đứng ngoài đường 14E, khi thấy L điều khiển một chiếc xe máy khác từ đường đất đi ra và chạy về hướng Hiệp Đức, H biết L đã lấy trộm chiếc xe máy này nhưng vẫn điều khiển xe máy (BKS 92F2-

1359) của L chạy theo sau. Khi đi đến đoạn xã Quế Lưu, huyện Hiệp Đức thì H đổi xe cho L và trực tiếp điều khiển chiếc xe máy L lấy trộm được về đến huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 23/02/2023 khi L và H điều khiển xe máy trộm cắp được trên đường thuộc xã C, huyện T thì bị Công an huyện Phước Sơn phát hiện, bắt giữ. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Trần Ngọc L biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có xe để đi lại, lợi dụng sự sơ hở của bà Nguyễn Thị B để xe bên lề đường để đi chăn thả gia súc. L nảy sinh ý định trộm cắp xe máy và cũng là người trực tiếp lấy trộm xe máy rồi điều khiển về huyện T. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác và làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình trật tự an toàn trên địa bàn huyện.

[3.2] Đối với bị cáo Võ Thị H: H và L có thời gian dài sống với nhau như vợ chồng, nên H biết được L đã có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Nhưng khi L dừng xe và nói H đứng ngoài đường đợi L, thì H thực hiện theo lời của L, L vào lấy trộm xe máy thì H không biết, khi thấy L chạy xe máy lạ khác từ trong đoạn đường đất đi ra thì H biết được xe máy là do L trộm cắp mà có, lúc này hành vi trộm cắp xe máy của L tuy đã hoàn thành nhưng chưa kết thúc trên thực tế, vì cần thời gian để di chuyển về huyện T. Đáng lẽ ra H phải ngăn cản L, đáng này H đã giúp L điều khiển xe máy của L chạy theo sau L, khi đến đoạn xã Quế Lưu, huyện Hiệp Đức thì H đổi xe cho L và H điều khiển xe máy mà L trộm cắp được về huyện T. Sau đó, L và H cùng sử dụng xe máy trộm cắp được làm phương tiện đi lại. Tại phiên tòa Trần Ngọc L đã khai nhận nếu không có sự giúp sức của H điều khiển xe máy của L về thì L không thể thực hiện được hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, Võ Thị H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo thì thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Ngọc L vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Võ Thị H không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H “*Thành khẩn khai báo*” nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tài sản trộm cắp đã được thu giữ và

trả lại cho bị hại; gia đình bị cáo L có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền án, tiền sự, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên áp dụng điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân:

Đối với bị cáo Trần Ngọc L có nhân thân xấu, năm 2014 và năm 2017 bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Năm 2011 đã bị đưa ra xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngày 14/02/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” trong thời gian được tại ngoại bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó phạm tội lần này của bị cáo L thuộc trường hợp “*Tái phạm*”, điều này cho thấy bị cáo coi thường pháp luật. Đối với bị cáo Võ Thị H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Trần Ngọc L.

[4.4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho nhau nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ đồng phạm giản đơn không có tổ chức. Nhưng xét vai trò của từng bị cáo thì Trần Ngọc L là người nảy sinh ý định và cũng là người trực tiếp trộm cắp tài sản, sau đó L cũng là người điều khiển xe chạy về T. Mặt khác, L có nhân thân không tốt, đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính và hai lần bị đưa ra xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”, trong thời gian được tại ngoại bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Tiên Phước và tại huyện Phước Sơn, điều này cho thấy bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy, xử phạt bị cáo Trần Ngọc L mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo H. Đối với bị cáo Võ Thị H, khi L dừng xe bên lề đường và nói H đứng chờ thì H làm theo; khi thấy L điều khiển xe máy từ trong đường đất đi ra thì H đã biết xe máy này do L trộm cắp mà có, nhưng khi L nói H điều khiển xe máy của L về giúp thì H làm theo và trên đường đi H đã đổi xe cho L và điều khiển xe mà L trộm cắp được đi về, như vậy H không trực tiếp trộm cắp xe máy, nhưng H đã giúp sức cho L để L trộm cắp xe máy, H phạm tội với vai trò giúp sức nên xử phạt H mức hình phạt tù có thời hạn nhẹ hơn bị cáo L.

[5] Xét luận tội của Đại diện viện kiểm sát: Thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc L. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo L có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền án, tiền sự,

“*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên áp dụng điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt đối với các bị cáo:

[6.1] Về hình phạt chính:

Đối với bị cáo Trần Ngọc L có nhân thân xấu hai lần bị xử phạt hành chính, 02 lần bị đưa ra xét xử và xử phạt tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp “*Tái phạm*”. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở huyện Phước Sơn, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở huyện Tiên Phước bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy và nghiện chất ma túy. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cao hơn bị cáo H để răn đe, phòng ngừa và để bị cáo có thời gian cai nghiện trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Võ Thị H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Trần Ngọc L. Vì vậy, xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhẹ hơn bị cáo L, bị cáo đã bị tạm giam 03 tháng 03 ngày, nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hưởng án treo và căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác cũng đã đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo H.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Không xử phạt bổ sung vì bị cáo L và H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Trần Ngọc L1 là em ruột của L, L1 cho L mượn xe máy để làm phương tiện đi lại. L dùng xe để làm phương tiện trộm cắp tài sản L1 không biết nên không xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị B đã nhận lại xe máy và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên không đề cập đến.

[9] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Công an huyện Phước Sơn đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe máy hiệu Suzuki, loại xe Smash, màu xanh, BKS 92F2-1359 cho ông Trần Ngọc L1 (em ruột L) cho Trần Ngọc L mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 21/02/2023 L dùng xe này làm phương tiện phạm tội L1 không biết; 01 xe máy hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu trắng xanh, BKS 92P1- 029.27 cho bà Nguyễn Thị B nên không đề cập đến.

Đối với 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại, bên trên có chữ “VIET-TIEP” thu giữ của Trần Ngọc L, đây là chìa khóa nhà L sử dụng làm công cụ phạm tội và

không có giá trị sử dụng, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu để tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo pH chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc L và Võ Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Trần Ngọc L: 02 (*hai*) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 15 (*mười lăm*) tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2023/HS - PT ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Trần Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 (*ba*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 23/02/2023. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến 24/10/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Võ Thị H: 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2023).

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Võ Thị H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Võ Thị H cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại, bên trên có chữ “VIET-TIEP” thu giữ của Trần Ngọc L để tiêu hủy.

Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/5/2023.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Q.Nam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Lan